

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/5/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Nga;
2. Bà Nguyễn Thị Ly.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022, Thông báo số 07/TB-TA ngày 24/3/2022 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1978; địa chỉ: số A, tổ A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày, qua tìm hiểu, bà H và ông

Nguyễn Văn T, tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau vào tháng 9/2002, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 29/01/2004. Con chung đang được bà H nuôi dưỡng.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Bà H và ông T không còn sống chung từ giữa năm 2019 cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu ly hôn với ông T; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 29/01/2004, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà H cho rằng cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 29/01/2004 đã thành niên, có khả năng lao động nuôi bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về nuôi dưỡng con chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy khai sinh số 327 ngày 29/4/2004 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện Chợ Mới cấp cho Nguyễn Thị Tường V.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm. Đồng thời, bà Hiền rút lại yêu cầu nuôi dưỡng con chung do cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 29/01/2004 đã thành niên, có khả năng lao động nuôi bản thân.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà H và ông T kết hôn vào tháng 9/2002, không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông T không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà H, ông T là vợ chồng theo Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, do cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 29/01/2004 đã thành niên và bà H rút lại yêu cầu nuôi dưỡng con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện mà bà H đã rút.

Về tài sản chung, nợ chung, không có nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, không công nhận bà H, ông T là vợ chồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về nuôi dưỡng con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Bà Nguyễn Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Đồng thời, ông T cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

##### **[2.1] Về hôn nhân:**

Bà Nguyễn Thị Kim H khai, sau thời gian tìm hiểu, bà H và ông T được gia đình tổ chức lễ cưới, chung sống vào tháng 9/2002 nhưng không đăng ký kết hôn.

Xét, bà H và ông T chung sống với nhau vào tháng 9/2002 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, không công nhận bà H và ông T là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

##### **[2.2] Về con chung:**

Trong thời gian chung sống, bà H, ông T có sinh 01 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 29/01/2004.

Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 29/01/2004, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bà H cho rằng cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 29/01/2004 đã thành niên, có khả năng lao động nuôi bản thân. Đồng thời, bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Xét thấy, con chung tên Nguyễn Thị Tường V đã thành niên và có khả năng lao động nuôi sống bản thân và bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về nuôi dưỡng con chung. Cho nên, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện bị rút theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2004.

2. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010140 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 08 tháng 02 năm 2022; bà Nguyễn Thị Kim H đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Kim H có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Chí Bình**